

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách
trung ương và nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);

Xét Tờ trình số 1305/TTr-UBND ngày 18/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phân bổ kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung ương và nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung ương và nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

1. Tổng vốn phân bổ

Tổng kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2016-2020 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai là 1.097.600 triệu đồng (theo Quyết định 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư). Thực hiện trích 10% dự phòng trên tổng mức vốn đầu tư phát triển theo quy định là 109.760 triệu đồng, phân bổ chi tiết 90% là 987.840 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020

Phân bổ là 987.840 triệu đồng cho 184 xã, gồm:

- Phân bổ 226.135 triệu đồng cho 91 xã không thuộc đối tượng ưu tiên, bình quân mỗi xã 2.485 triệu đồng (hệ số 1).

- Phân bổ 80.750 triệu đồng cho 25 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, bình quân mỗi xã 3.230 triệu đồng (hệ số 1,3).

- Phân bổ 675.955 triệu đồng cho 68 xã đặc biệt khó khăn, bình quân mỗi xã 9.940 triệu đồng (hệ số 4).

- Phân bổ 5.000 triệu đồng vốn khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định.

3. Nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

- Phần đầu huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: 02 huyện.

- Phần đầu số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: 80 xã, đạt tỷ lệ 43,5%.

- Phần đầu bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã: 15,36.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016- 2020
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CHO CTMTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa bàn	Số xã được hỗ trợ	Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	Tổng số	184	987.840	
A	Xã nghèo, ĐBKK	68	675.955	
B	Xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên	25	80.750	
C	Các xã còn lại	91	226.135	
D	Vốn khen thưởng công trình phúc lợi đợt 2		5.000	
	Chi tiết địa bàn:			
1	Huyện Kông Chro	13	129.220	
2	Huyện Kbang	13	86.015	
3	Huyện Ia Pa	9	44.730	
4	Huyện Krông Pa	13	108.345	
5	Thị xã Ayun Pa	4	11.430	
6	Thành phố Pleiku	9	23.855	
7	Huyện Chư Păh	13	85.980	
8	Huyện Phú Thiện	9	38.020	

STT	Địa bàn	Số xã được hỗ trợ	Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
9	Huyện Ia Grai	12	46.965	
10	Huyện Đak Pơ	7	24.850	
11	Huyện Mang Yang	11	65.355	
12	Huyện Chư Sê	14	59.390	
13	Huyện Chư Prông	19	72.560	
14	Huyện Đak Đoa	16	69.580	
15	Thị xã An Khê	5	13.915	
16	Huyện Đức Cơ	9	52.185	
17	Huyện Chư Pưh	8	50.445	
18	Vốn khen thưởng công trình phúc lợi đợt 2		5.000	





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh)

Stt	Địa bàn	Tổng số xã đạt chuẩn đến năm 2020 (Số lũy kế)
I	Chỉ tiêu cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới 2016-2020	80
1	Thành phố Pleiku	9
2	Thị xã An Khê	5
3	Thị xã Ayun Pa	4
4	Huyện Đak Pơ	7
5	Huyện Phú Thiện	5
6	Huyện Đak Đoa	7
7	Huyện Kông Chro	1
8	Huyện Chư Prông	5
9	Huyện Chư Puh	6
10	Huyện Chư Sê	9
11	Huyện Kbang	5
12	Huyện Đức Cơ	3
13	Huyện Ia Grai	4
14	Huyện Chư Păh	3
15	Huyện Mang Yang	3
16	Huyện Krông Pa	2
17	Huyện Ia Pa	2
II	Chỉ tiêu cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới 2016-2020	
1	Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	
2	Huyện Đak Pơ đạt chuẩn nông thôn mới	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SỐ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẠT CHUẨN BÌNH QUÂN/XÃ ĐẾN NĂM 2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số xã	Tổng tiêu chí đạt	Bình quân tiêu chí đạt
Toàn tỉnh		184	2.826	15,36
1	Thành phố Pleiku	9	171	19
2	Thị xã An Khê	5	95	19
3	Thị xã Ayun Pa	4	76	19
4	Huyện Đak Pơ	7	133	19
5	Huyện Phú Thiện	9	138	15,33
6	Huyện Đak Đoa	16	280	17,50
7	Huyện Kông Chro	13	162	12,46
8	Huyện Chư Prông	19	276	14,50
9	Huyện Chư Pưh	8	142	17,80
10	Huyện Chư Sê	14	253	18,10
11	Huyện Kbang	13	179	13,80
12	Huyện Đức Cơ	9	128	14,20
13	Huyện Ia Grai	12	174	14,50
14	Huyện Mang Yang	11	153	13,90
15	Huyện Krông Pa	13	163	12,50
16	Huyện Ia Pa	9	117	13,00
17	Huyện Chư Păh	13	187	14,35